

THÔNG BÁO SỐ 1 VỀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2020

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ công văn số 238/ĐHKT-KT&ĐBCL ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh về việc báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học năm 2020.

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2020 như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh

Tất cả các thí sinh tốt nghiệp THPT;

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành học tại cơ sở TP. Cần Thơ phải có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long (*Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau*);

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển các ngành học tại cơ sở TP. Đà Lạt phải có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành Nam Trung bộ (*Đắk Lắk, Gia lai, Kon tum, Đắk Nông, Lâm Đồng, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận*);

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh năm 2020

3.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng (20% chỉ tiêu ngành)

3.1.1. Nhóm thí sinh xét tuyển thẳng

- **Nhóm 1:** Theo Quy chế tuyển sinh năm 2020 của Bộ GDĐT.

3.1.2. Nhóm thí sinh ưu tiên xét tuyển thẳng

- **Nhóm 2:** Thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi từ cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương trở lên (môn đạt giải phải thuộc tổ hợp xét tuyển).
- **Nhóm 3:** Thí sinh tốt nghiệp THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu trong cả nước (*Xem danh sách các Trường THPT chuyên, năng khiếu tại Phụ lục 1*).

3.1.3. Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT theo hình thức chính quy năm 2020.

- Đối với các ngành năng khiếu: Chỉ xét tuyển thí sinh có điểm môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi năm 2020, có kết quả thi từ 5,0 trở lên.

- Xét theo thứ tự ưu tiên từ **Nhóm 1** đến **Nhóm 3**. Riêng **Nhóm 3** phải có điểm trung bình học bạ của từng môn học trong các năm lớp 10, 11, 12 (trừ học kỳ 2 lớp 12) theo tổ hợp xét tuyển từ 8,0 trở lên.

- Thí sinh được đăng ký tối đa 3 nguyện vọng.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào ngành nào thì sử dụng tổ hợp môn xét tuyển ưu tiên tương ứng của ngành đó.

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không được xét tuyển nguyện vọng tiếp theo.

- Đối với tổ hợp xét tuyển có môn Tiếng Anh, trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh chỉ sử dụng điểm trung bình học bạ; không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ (Tiếng Anh) theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT Quốc gia.

- Đối với Nhóm 3, điểm xét tuyển được tính như sau:

• Các ngành Khối A: Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) + Điểm ưu tiên (*Theo Quy chế tuyển sinh năm 2020 của Bộ GDĐT*) + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế);

• Các ngành Khối V, H: Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ môn 1 + Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ môn 2 + Điểm môn năng khiếu x 1,5) x 6/7 + Điểm ưu tiên (*Theo Quy chế tuyển sinh năm 2020 của Bộ GDĐT*) + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế).

Lưu ý: Các chứng chỉ Quốc tế bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế tương đương IELTS từ 6,0 trở lên (*Xem Phụ lục 2*) hoặc chứng chỉ SAT từ 1000 trở lên và còn hạn đến thời gian xét tuyển.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách:

(1) Điểm thi môn năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu);

(2) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của học kỳ 1 năm lớp 12;

(3) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 11;

(4) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10;

(5) Điểm trung bình học bạ môn Toán trong học kỳ 1 lớp 12.

Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

3.2. Xét tuyển dựa vào điểm trung bình học bạ (30% chỉ tiêu ngành).

3.2.1. Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hệ chính quy trong cả nước các năm 2018, 2019 và 2020.

3.2.2. Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hệ chính quy các năm 2018, 2019 và 2020 trong cả nước có điểm trung bình học bạ từng môn theo tổ hợp xét tuyển trong từng năm học lớp 10, 11, 12 (xét 5 học kỳ, trừ học kỳ 2 năm lớp 12 đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020 và xét 6 học kỳ đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2019 và 2018) đạt từ 7,5 trở lên.

- Điểm trúng tuyển vào mỗi ngành sẽ được xét theo nguyên tắc lấy từ thí sinh có tổng điểm 3 môn lớn nhất trở xuống không phân biệt nguyện vọng, tổ hợp xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh).

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp. Mỗi nguyện vọng thí sinh chỉ có thể chọn 01 tổ hợp điểm thi xét tuyển.

- Điểm của thí sinh có giá trị như nhau khi xét tuyển các nguyện vọng. Không hạn chế số nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh. Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành nào thì sử dụng tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành đó.

- Đối với các ngành năng khiếu: Chỉ xét tuyển thí sinh có điểm môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh tổ chức thi năm 2020, có kết quả thi từ 5,0 trở lên.

- Các ngành tại các cơ sở đào tạo của Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh có điểm chuẩn riêng.

- Điểm xét tuyển:

• Các ngành khối A:

Thí sinh tốt nghiệp năm 2020: Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của 5 học kỳ (trừ học kỳ 2 lớp 12) + Điểm ưu tiên (*Theo Quy chế tuyển sinh năm 2020 của Bộ GDĐT*) + 0,5 (*nếu có chứng chỉ Quốc tế*);

Thí sinh tốt nghiệp năm 2018 và 2019: Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của 6 học kỳ + Điểm ưu tiên (*Theo Quy chế tuyển sinh năm 2020 của Bộ GDĐT*) + 0,5 (*nếu có chứng chỉ Quốc tế*).

• Các ngành khối V, H:

Thí sinh tốt nghiệp năm 2020: Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ môn 1 + Điểm trung bình học bạ 5 học kỳ môn 2 + Điểm môn năng khiếu x 1,5) x 6/7 + Điểm ưu tiên + 0,5 (*nếu có chứng chỉ Quốc tế*);

Thí sinh tốt nghiệp năm 2018 và 2019: Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình học bạ 6 học kỳ môn 1 + Điểm trung bình học bạ 6 học kỳ môn 2 + Điểm môn năng khiếu x 1,5) x 6/7 + Điểm ưu tiên + 0,5 (nếu có chứng chỉ Quốc tế).

Lưu ý: Các chứng chỉ Quốc tế bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế tương đương IELTS từ 6,0 trở lên (Xem Phụ lục 2) hoặc chứng chỉ SAT từ 1000 trở lên và còn hạn đến thời gian xét tuyển.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách:

(1) Điểm thi môn năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu);

(2) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của học kỳ 1 năm lớp 12 (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2020) hoặc Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 12 (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2018 và 2019);

(3) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 11;

(4) Tổng điểm trung bình học bạ các môn trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10;

(5) Điểm trung bình học bạ môn Toán trong học kỳ 1 lớp 12.

Nếu sau khi xét các điều kiện phụ đã nêu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

3.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (50% chỉ tiêu ngành)

3.3.1. Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT có tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

3.3.2. Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển: Theo Quy chế Tuyển sinh năm 2020 của Bộ GDĐT.

3.3.3. Thời gian và cách đăng ký xét tuyển: Theo Kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

3.4. Các tổ hợp điểm thi xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, mã ngành xét tuyển

Các tổ hợp điểm thi xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, mã ngành xét tuyển với các ngành đào tạo tại các cơ sở của Trường như sau:

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2020
I	Tại TP. Hồ Chí Minh				1335
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	360
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
2	Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao)	7580201CLC	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	35
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
3	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	100
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2020
4	Quản lý xây dựng	7580302	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	75
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
5	Kiến trúc	7580101	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	210
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
6	Kiến trúc (Chất lượng cao)	7580101CLC	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	40
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
7	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	70
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
8	Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao)	7580105CLC	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	30
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
9	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
10	Thiết kế nội thất	7580108	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	75
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
11	Mỹ thuật đô thị	7210110	Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	50
			Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	
12	Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	50
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H02	
13	Thiết kế đồ họa	7210403	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	100
			Văn – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H06	
14	Thiết kế thời trang	7210404	Toán – Văn – Vẽ TT Màu	H01	40
			Văn – Tiếng Anh – Vẽ TT Màu	H06	
15	Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến)	7580199	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	25
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
			Theo 02 phương thức tuyển sinh chung và tuyển sinh riêng (xem thông báo)		
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành Đồng bằng sông Cửu Long)				140

TT	Ngành	Mã ngành đăng ký xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển vào các ngành	Mã tổ hợp	Chỉ tiêu năm 2020
16	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	50
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
17	Kiến trúc	7580101CT	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	50
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
18	Thiết kế nội thất	7580108CT	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	40
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt (Thí sinh phải có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh, thành Nam Trung bộ)				80
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	Toán – Vật lý – Hóa học	A00	30
			Toán – Vật lý – Tiếng Anh	A01	
20	Kiến trúc	7580101DL	Toán – Vật lý – Vẽ Mỹ thuật	V00	50
			Toán – Văn – Vẽ Mỹ thuật	V01	
			Toán – Tiếng Anh – Vẽ Mỹ thuật	V02	
	Tổng cộng				1555

Lưu ý: Thí sinh đăng ký, điều chỉnh sai nguyện vọng hoặc không đủ điều kiện xét tuyển sẽ không được xét trúng tuyển chính thức.

4. Lệ phí thi tuyển, xét tuyển

4.1. Lệ phí ưu tiên xét tuyển thẳng và theo điểm trung bình học bạ: 30.000 đồng/nguyện vọng. Lệ phí xét tuyển dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ, lệ phí không hoàn lại.

4.2. Lệ phí thi môn năng khiếu năm 2020: 350.000 đồng/môn thi/đợt thi. Lệ phí thi dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ dự thi, lệ phí không hoàn lại.

4.3. Hình thức nộp: Nộp trực tiếp tại phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh hoặc chuyển khoản theo tài khoản sau:

Chủ tài khoản: **Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh**

Số TK: **110000006019** - tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 3 – TP. Hồ Chí Minh.

Nội dung chuyển khoản: Tùy theo các nguyện vọng xét tuyển, thi tuyển, thí sinh ghi nội dung chuyển khoản theo cấu trúc sau: **Họ tên thí sinh – Số CMND/CCCD - Ngày sinh - Lệ phí xét tuyển <số nguyện vọng> nguyện vọng Đại học chính quy – Lệ phí thi môn Vẽ Mỹ thuật đợt <tên đợt thi môn năng khiếu> – Lệ phí thi môn Vẽ Trang trí màu đợt <tên đợt thi môn năng khiếu>.**

Lưu ý: Trong thời gian phòng chống dịch Covid-19, Nhà trường khuyến khích việc

nộp lệ phí bằng cách chuyển khoản.

5. Hướng dẫn đăng ký xét tuyển

5.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng

5.1.1. Hồ sơ đăng ký

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo **Mẫu** có xác nhận của trường THPT (Thí sinh đăng ký trực tuyến và in Phiếu tại trang http://xettuyen.uah.edu.vn/WebTuyenSinh/DangKyHoSoUAH_XetTuyenHocBa).
- 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT (nếu có).
- 01 Bản sao công chứng chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.
- 01 Bản sao công chứng sổ Hộ khẩu.
- Biên lai thu lệ phí đăng ký xét tuyển.
- 01 Bản sao công chứng Giấy chứng nhận tham gia kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế; Giấy chứng nhận đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia; Giấy chứng nhận là thành viên trong đội tuyển Quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật Quốc tế; Giấy chứng nhận đạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia; Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương; Chứng chỉ Anh văn Quốc tế, Bảng điểm SAT (nếu có).
- Hình 4x6 trong vòng 6 tháng, định dạng JPG (Thí sinh gửi vào tài khoản đăng ký xét tuyển trực tuyến).

5.1.2. Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày **26/5/2020** đến trước 16g30 ngày **10/7/2020**.

5.1.3. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp bản scan định dạng PDF vào tài khoản đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang <http://xettuyen.uah.edu.vn/WebTuyenSinh/DangNhapXemHoSo> đồng thời nộp trực tiếp hoặc phát chuyển nhanh qua đường bưu điện (ngoài phong bì ghi rõ **Hồ sơ xét tuyển Đại học chính quy**) về:

Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng.

Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ số 196 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

***Lưu ý:** Trong thời gian phòng chống dịch Covid-19, Nhà trường khuyến khích việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện.*

5.1.4. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển Đợt 1: Trước ngày 01/8/2020.

5.2. Xét tuyển theo điểm trung bình học bạ

5.2.1. Hồ sơ đăng ký

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo **Mẫu** có xác nhận của trường THPT (Thí sinh đăng ký trực tuyến và in Phiếu tại trang http://xettuyen.uah.edu.vn/WebTuyenSinh/DangKyHoSoUAH_XetTuyenHocBa).

- 01 Bản sao công chứng Học bạ THPT (nếu có).
- 01 Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT (nếu có).
- 01 Bản sao công chứng Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- 01 Bản sao công chứng sổ Hộ khẩu.
- Biên lai thu lệ phí đăng ký xét tuyển.
- Chứng chỉ Anh văn Quốc tế, Bảng điểm SAT (nếu có).
- Hình 4x6 trong vòng 6 tháng, định dạng JPG (Thí sinh gửi vào tài khoản đăng ký xét tuyển trực tuyến).

5.2.2. Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày **26/5/2020** đến trước 16g30 ngày **10/7/2020**.

5.2.3. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp bản scan định dạng PDF vào tài khoản đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang

<http://xettuyen.uah.edu.vn/WebTuyenSinh/DangNhapXemHoSo> đồng thời nộp trực tiếp hoặc phát chuyển nhanh qua đường bưu điện (ngoài phong bì ghi rõ **Hồ sơ xét tuyển Đại học chính quy**) về:

Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng.

Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ số 196 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Trong thời gian phòng chống dịch Covid-19, Nhà trường khuyến khích việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

5.2.4. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển Đợt 1: Trước ngày 01/8/2020.

5.3. Thi tuyển môn năng khiếu

5.3.1. Hồ sơ đăng ký

- Thí sinh đăng ký trực tuyến tại trang <http://xettuyen.uah.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-thpt-quoc-gia-va-tu-do.html>.
- Biên lai nộp lệ phí dự thi.
- Hình 4x6 trong vòng 6 tháng, định dạng JPG.

5.3.2. Hình thức nộp hồ sơ: Nộp bản scan định dạng PDF vào tài khoản đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang

<http://xettuyen.uah.edu.vn/WebTuyenSinh/DangNhapXemHoSo>

5.3.3. Thời gian nộp hồ sơ và Kế hoạch tổ chức thi môn năng khiếu dự kiến:

- Đợt 1: Nộp hồ sơ: Từ ngày **26/5/2020** đến trước **16g30** ngày **12/6/2020**.
Phát Giấy báo dự thi môn năng khiếu: **22 – 26/6/2020**.
Ngày thi: **Ngày 11 – 12/7/2020**.
- Đợt 2: Nộp hồ sơ: Từ ngày **15/6/2020** đến trước **16g30** ngày **10/7/2020**.

Phát Giấy báo dự thi môn năng khiếu: **27 – 30/7/2020.**

Ngày thi: **Ngày 15 – 16/8/2020.**

- Địa điểm thi: Tại TP. Hồ Chí Minh

***Lưu ý:** Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành năng khiếu (Khối V, H) theo phương thức **Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và Xét tuyển dựa vào điểm trung bình học bạ** phải tham dự thi môn năng khiếu Đợt 1.*

6. Thông tin liên hệ

Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng.

Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ số 196 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 222 748 (số nội bộ 134, 135).

Email: tuyensinh@uah.edu.vn.

Website: www.uah.edu.vn.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS.KTS. Lê Văn Thương

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN, NĂNG KHIẾU

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học				
1	01	Hà Nội	009	Trường THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	011	Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	01	Hà Nội	013	Trường THPT chuyên Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4	02	Hồ Chí Minh	019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5	02	Hồ Chí Minh	020	Trường Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	29	Nghệ An	007	Trường THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	010	Trường THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	072	Trường THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo
Các trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trực thuộc Tỉnh/Thành phố				
9	01	Hà Nội	010	Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	008	Trường THPT Chu Văn An
12	01	Hà Nội	079	Trường THPT Sơn Tây
13	02	Hồ Chí Minh	016	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	Hồ Chí Minh	004	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	Hồ Chí Minh	055	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền
16	02	Hồ Chí Minh	066	Trường THPT Gia Định
17	03	Hải Phòng	013	Trường THPT chuyên Trần Phú
18	04	Đà Nẵng	005	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	05	Hà Giang	012	Trường THPT chuyên Hà Giang
20	06	Cao Bằng	004	Trường THPT chuyên Cao Bằng

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
21	07	Lai Châu	001	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	08	Lào Cai	018	Trường THPT chuyên Lào Cai
23	09	Tuyên Quang	009	Trường THPT chuyên Tuyên Quang
24	10	Lạng Sơn	002	Trường THPT chuyên Chu Văn An
25	11	Bắc Kạn	019	Trường THPT chuyên Bắc Kạn
26	12	Thái Nguyên	010	Trường THPT chuyên Thái Nguyên
27	13	Yên Bái	001	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
28	14	Sơn La	004	Trường THPT chuyên Sơn La
29	15	Phú Thọ	001	Trường THPT chuyên Hùng Vương
30	16	Vĩnh Phúc	012	Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc
31	17	Quảng Ninh	001	Trường THPT chuyên Hạ Long
32	18	Bắc Giang	012	Trường THPT chuyên Bắc Giang
33	19	Bắc Ninh	009	Trường THPT chuyên Bắc Ninh
34	21	Hải Dương	013	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	22	Hưng Yên	011	Trường THPT chuyên Hưng Yên
36	23	Hòa Bình	012	Trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	24	Hà Nam	011	Trường THPT chuyên Biên Hòa
38	25	Nam Định	002	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	26	Thái Bình	002	Trường THPT chuyên Thái Bình
40	27	Ninh Bình	011	Trường THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	28	Thanh Hóa	010	Trường THPT chuyên Lam Sơn
42	29	Nghệ An	006	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu
43	30	Hà Tĩnh	040	Trường THPT chuyên Hà Tĩnh
44	31	Quảng Bình	004	Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
45	32	Quảng Trị	024	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	33	Thừa Thiên - Huế	001	Trường THPT chuyên Quốc Học
47	34	Quảng Nam	010	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông
48	34	Quảng Nam	007	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
49	35	Quảng Ngãi	013	Trường THPT chuyên Lê Khiết
50	36	Kon Tum	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
51	37	Bình Định	003	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
52	38	Gia Lai	005	Trường THPT chuyên Hùng Vương
53	39	Phú Yên	005	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh
54	40	Đắk Lắk	024	Trường THPT chuyên Nguyễn Du
55	41	Khánh Hòa	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
56	42	Lâm Đồng	008	Trường THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt

Stt	Mã Tỉnh/ Thành phố	Tỉnh/ Thành phố	Mã trường THPT	Tên trường
57	42	Lâm Đồng	093	Trường THPT chuyên Bảo Lộc
58	43	Bình Phước	003	Trường THPT chuyên Quang Trung
59	43	Bình Phước	042	Trường THPT chuyên Bình Long
60	44	Bình Dương	002	Trường THPT chuyên Hùng Vương
61	45	Ninh Thuận	017	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
62	46	Tây Ninh	003	Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha
63	47	Bình Thuận	013	Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo
64	48	Đồng Nai	001	Trường THPT chuyên Lương Thế Vinh
65	49	Long An	060	Trường THPT chuyên Long An
66	50	Đồng Tháp	023	Trường THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
67	50	Đồng Tháp	016	Trường THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
68	51	An Giang	002	Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
69	51	An Giang	008	Trường THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
70	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
71	53	Tiền Giang	016	Trường THPT chuyên Tiền Giang
72	54	Kiên Giang	002	Trường THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
73	55	Cần Thơ	013	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng
74	56	Bến Tre	030	Trường THPT chuyên Bến Tre
75	57	Vĩnh Long	015	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
76	58	Trà Vinh	012	Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
77	59	Sóc Trăng	003	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
78	60	Bạc Liêu	009	Trường THPT chuyên Bạc Liêu
79	61	Cà Mau	016	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
80	62	Điện Biên	002	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn
81	63	Đắk Nông	037	Trường THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
82	64	Hậu Giang	039	Trường THPT chuyên Vị Thanh

PHỤ LỤC 2
BẢNG QUY CHUẨN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH
(Theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT)

Council of Europe (CEF)	Ielts	Toefl	Toefl iBT	Toeic
A2	3.0	400/97		150
A2-B1	3.5 - 4.0	450/133	45	350
B1	4,5	477/153	53	350
B2	5.0	500/173	61	625
B2	5.5	527/197	71	750
C1	6.0	550/213	80	800
C1	6.5	577/233	91	850
C2	7.0 - 7.5	600/250	100	
C2	8.0			